

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 78/2019/DSST

Ngày: 13/9/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

2. Ông Dương Minh Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2019/TLST- DSST ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2019/QĐST- DSST ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Q**

Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2 tòa nhà S – số 111A đường P, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn Dũng E** (Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2019).

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1966; ông **Võ Chí L1**, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: 89Đ tổ 13 KV2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.
(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết – Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/02/2017, ngân hàng có ký với bà Nguyễn Thị L và ông Võ Chí L1 hợp đồng tín dụng số 060.HĐTD 610.17, theo đó, phía ngân hàng cho bà L, ông L1 vay số tiền 400.000.000 đồng. Mục đích vay là để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thời hạn vay 180 tháng, tính từ ngày 17/02/2017. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,8%/năm. Đây là mức lãi suất ưu đãi trong 12 tháng đầu tiên, kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng/01 lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ 3,99%/năm trong suốt thời gian vay. Người vay sẽ phải hoàn trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ 15/3/2017, trong 179 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.225.000 đồng, tháng cuối trả 1.725.000 đồng. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay này là quyền sử dụng đất tại thửa số 71, TĐĐ số 13, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, GCNQSD đất số CS06649 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/9/2016, chính lý sang tên cho bà Nguyễn Thị L, ông Võ Chí L1 ngày 16/01/2017.

Sau khi nhận tiền vay, bà L, ông L1 chỉ thanh toán được 01 kỳ, rồi sau đó không tiếp tục thanh toán nên vào ngày 05/10/2018, ngân hàng đã có thông báo cho bà L, ông L1 về việc thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt hợp đồng tín dụng nêu trên. Theo nguyên đơn, do bà L, ông L1 vi phạm thỏa thuận thanh toán từ ngày 15/4/2017, nên kể từ thời điểm này, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của bà L, ông L1 sang nợ quá hạn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Võ Chí L1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 14/5/2019 là 538.474.251 đồng (trong đó nợ gốc là 397.774.853 đồng; lãi trong hạn 3.018.069 đồng, lãi quá hạn là 137.681.329 đồng).

Nếu bị đơn không thanh toán được số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho nguyên đơn thì yêu cầu được phát mãi tài sản mà bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ.

Phía bị đơn – bà L, ông L1: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt theo triệu tập. Do vậy, Tòa án tiến hành lập thủ tục để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/9/2019 là: 537.964.239 đồng (trong đó nợ gốc là 397.774.853 đồng, nợ lãi là 140.189.386 đồng (lãi trong hạn 54.322.837 đồng, lãi quá hạn 85.866.549 đồng)

Nếu bị đơn không trả được số tiền nêu trên, yêu cầu đưa tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thửa số 71, TĐĐ số 13, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06649 do Sở Tài

Nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/9/2016, mà bà L và ông L1 đã thế chấp để phát mãi xử lý thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo được thời hạn xét xử.

Về nội dung tranh chấp: Các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho thấy phía bị đơn đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán với nguyên đơn, do vậy căn cứ Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng tín dụng” giữa pháp nhân với cá nhân. Tranh chấp này do Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho phía bị đơn nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo triệu tập cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại địa chỉ nhà - nơi bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú, cũng là địa chỉ bị đơn khai báo khi ký kết hợp đồng tín dụng với nguyên đơn và Ủy ban nhân dân phường An Khánh. Nay căn cứ vào các thủ tục đã được thực hiện hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 179 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tài liệu và các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Q và bà Nguyễn Thị L, ông Võ Chí L1 có ký hợp đồng tín dụng số 060.HĐTD.610.17 ngày 17/02/2017, theo đó phía nguyên đơn đã giải ngân cho bà L, ông L1 vay số tiền gốc là 400.000.000 đồng, mức lãi suất ưu đãi trong 12 tháng đầu là 8,8%/năm, lãi suất của các năm tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ bản + biên độ 3,99%/năm trong suốt thời gian vay. Thời hạn vay 180 tháng. Người vay trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ 15/3/2017. Sau khi nhận tiền vay, phía bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 01 kỳ- tương đương với số tiền 2.547.650 đồng, rồi sau đó không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn. Phía nguyên đơn đã phát hành các thông báo cho bị đơn về việc thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, có tiến hành làm việc với bị đơn về việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, phía bị đơn vẫn không có động thái tích cực trong việc thanh toán nợ đã ký theo hợp đồng tín dụng. Việc bị đơn không tiếp tục đóng

lãi cho nguyên đơn trong 1 thời gian dài mặc dù đã được nguyên đơn nhắc nhở là đã vi phạm các quy định trong thỏa thuận cho vay được các bên ký kết tại hợp đồng tín dụng. Do vậy, nay nguyên đơn có quyền đình chỉ cho vay, thu nợ trước thời hạn và chấm dứt hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ. Theo đó, số tiền gốc, lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 13/9/2019 là 537.964.239 đồng (trong đó nợ gốc là 397.774.853 đồng, nợ lãi là 140.189.386 đồng (lãi trong hạn 54.322.837 đồng, lãi quá hạn 85.866.549 đồng – lãi quá hạn được tính từ ngày phát hành thông báo cho phía bị đơn 05/10/2018)

Ngoài số tiền phải trả nêu trên, phía bị đơn vẫn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả dứt nợ hoặc tài sản đảm bảo được xử lý.

Đối với tài sản mà phía bị đơn đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất, thuộc đối tượng phải đăng ký giao dịch bảo đảm cũng đã được các bên tuân thủ đúng trình tự quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm được quy định tại Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 nên có giá trị ràng buộc đối với các bên đã ký kết trong hợp đồng thế chấp. Vì vậy khi bên vay không thanh toán được nợ, hợp đồng tín dụng bị chấm dứt, bên cho vay có quyền xử lý các tài sản mà bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 157; 179, 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 466; Điều 295; Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự.

Các Điều Từ 90 đến 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Thông tư liên tịch số 39 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Võ Chí L1 phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Q số tiền gốc 397.774.853 đồng, nợ lãi là 140.189.386 đồng (lãi trong

hạn 54.322.837 đồng, lãi quá hạn 85.866.549 đồng). Tổng cộng 537.964.239 đồng (năm trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn, hai trăm ba mươi chín đồng)

Bị đơn vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc còn nợ nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi dứt nợ.

Nếu bà L, ông L1 không thanh toán được số nợ trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bị đơn đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa số 71, TĐĐ số 13, tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, GCNQSD đất số CS06649 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/9/2016, chính lý sang tên cho bà Nguyễn Thị L, ông Võ Chí L1 ngày 16/01/2017, để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu 25.518.570 đồng (hai mươi lăm triệu, năm trăm mười tám ngàn, năm trăm bảy mươi đồng)

- Nguyên đơn được nhận lại: 12.281.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 000953 ngày 18/3/2019 tại Chi cục thi hành án quận N.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát q. N;
- Thi hành án q. N;
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ